TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M T** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05/2020/QĐST- HNGĐ	*M, ngày 10 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số 07/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lỳ Mò S - sinh năm 1987

Địa chỉ: Bản S, xã V, huyện M, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trồng trọt.

- Bị đơn: Anh Nông Văn T - sinh năm 1986;

Nơi ĐKHKTT: Bản S, xã V, huyện M, tỉnh Lai Châu;

Chỗ ở hiện nay: Bản H, xã V, huyện M, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: Trồng trọt.

Căn cứ vào Điều 212; 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; 54; 55; 57; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận ngày 02 tháng 03 năm 2020, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình.

XÉT THẤY;

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 03 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lỳ Mò S và anh Nông Văn T.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lỳ Mò S và anh Nông Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Lỳ Mò S và anh Nông Văn T thỏa thuận nhất trí giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung: Nông Văn N, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2009 và Nông Thị M, sinh ngày 19/3/2013 cho đến tuổi trưởng thành (18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung chị S không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về công nợ: Chị Lỳ Mò S và anh Nông Văn T muốn tự thỏa thuận tài sản chung nên không yêu cấu Tòa án giải quyết; Công nợ chị S và anh T muốn tự thỏa nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí:

Áp dụng điều 147 BLTTDS; điều 26 Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lỳ Mò S phải chịu 75.000 đồng, anh Nông Văn T phải chịu 75.000 đồng. Chị S và anh T thỏa thuận nhất trí chị Lỳ Mò S nộp cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án huyện M, tỉnh Lai Châu theo biên lai số: AA/2010/0002692 ngày 17 tháng 02 năm 2020 là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), trả lại cho chị S 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh Lai Châu*
- *VKS huyện M*
- *Chi cục THA huyệnM*
-*UBND xã B*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Đã ký

lò Thị Chiến